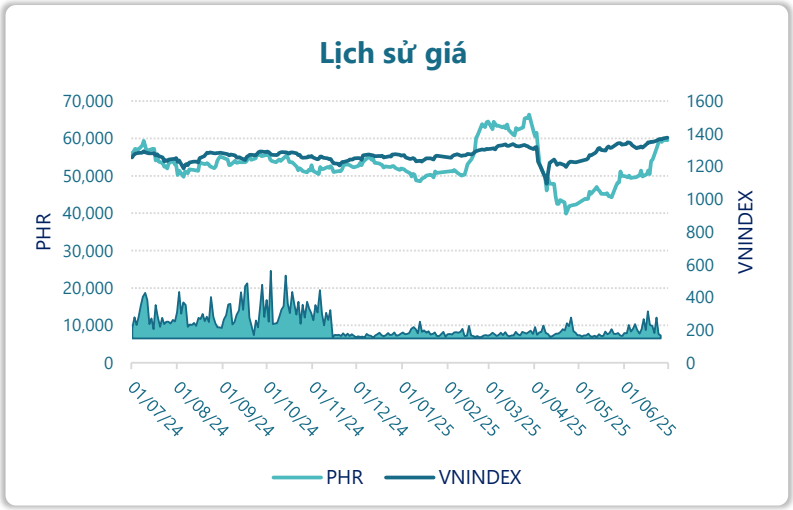
FireAnt

CTCP Cao su Phước Hòa (HSX: PHR)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**61,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	66,381
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	39,877
SL cổ phiếu LH	135,499,198
KLGD BQ 20 phiên (CP)	731,910
% sở hữu nước ngoài	13.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,265
P/E	15.9
EPS	3,825

DT thuần

Q2/25

368

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 57.0| 18.3%

YoY: ▲ 96.0| 35.3%

LN sau thuế

Q2/25

94.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.30| -8.1%

YoY: ▲ 24.4| 34.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

32.9%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

6T 2025

679

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 84.0| 14.1%

LN sau thuế

6T 2025

197

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 48.0| 32.7%

ROE

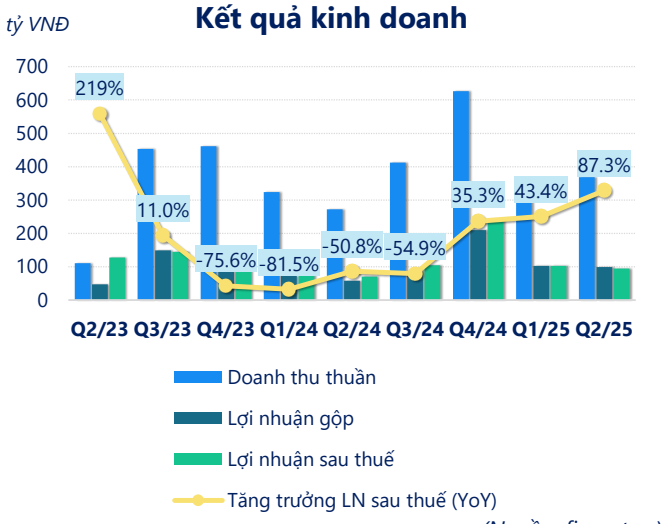
Q2/25

13.0%

+/- YoY: ▲ 2.0%

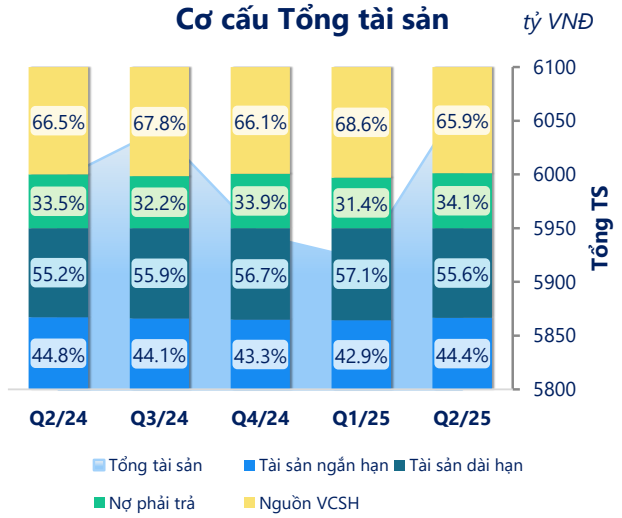
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



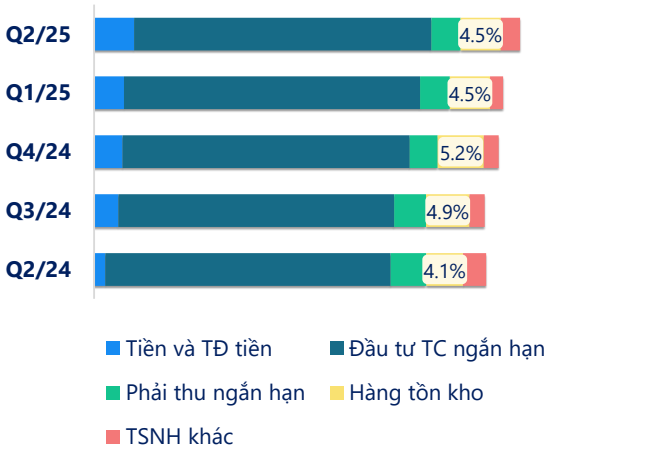
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



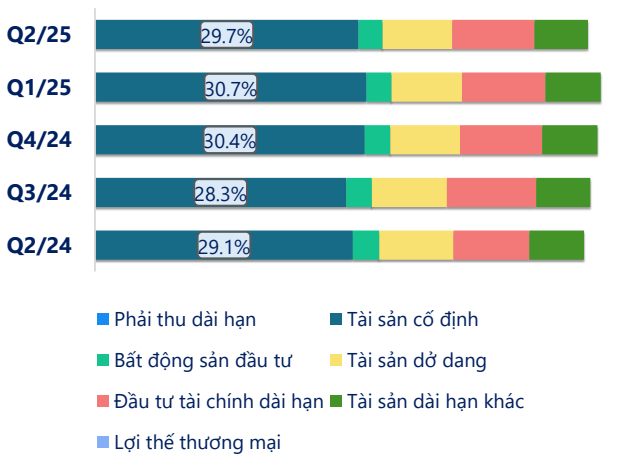
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



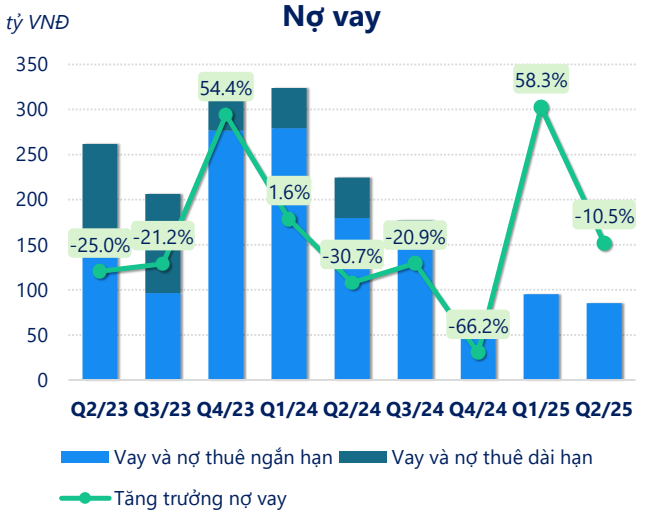
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



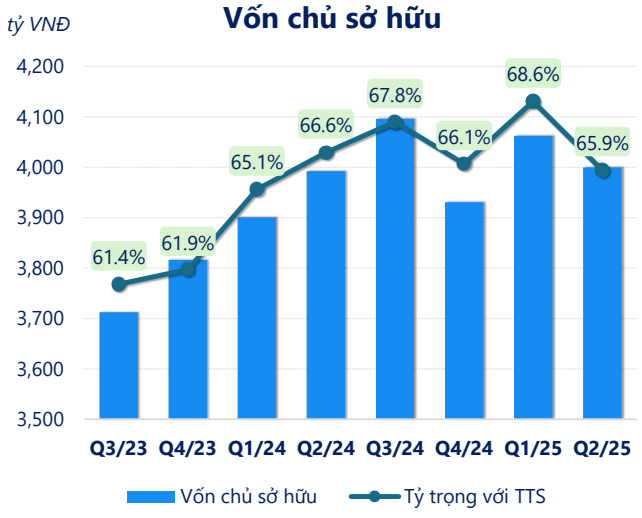
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



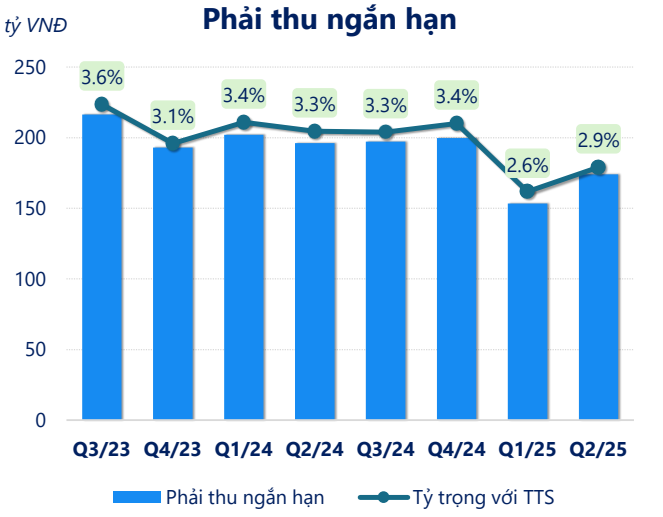
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



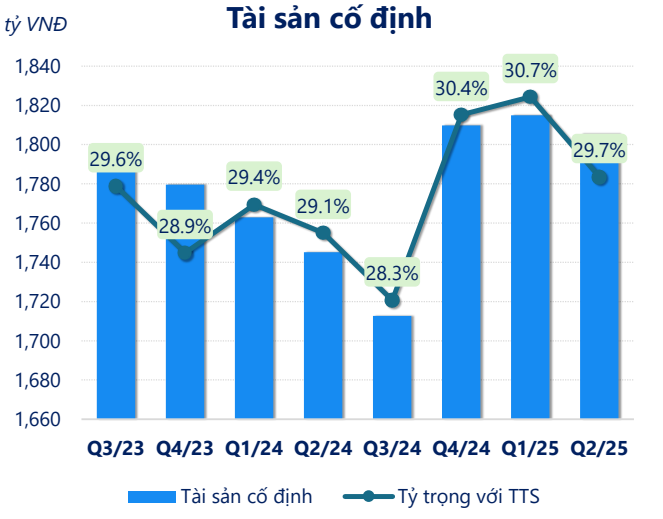
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



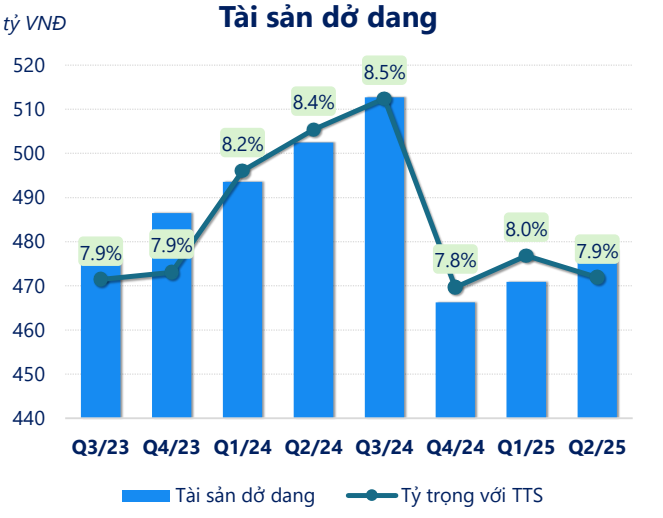
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



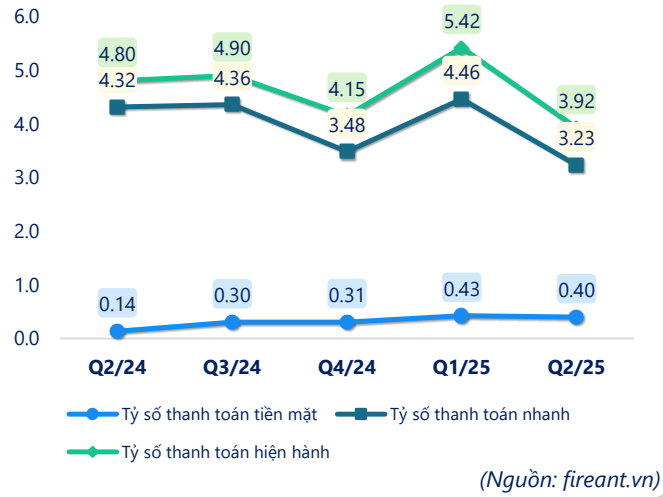
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



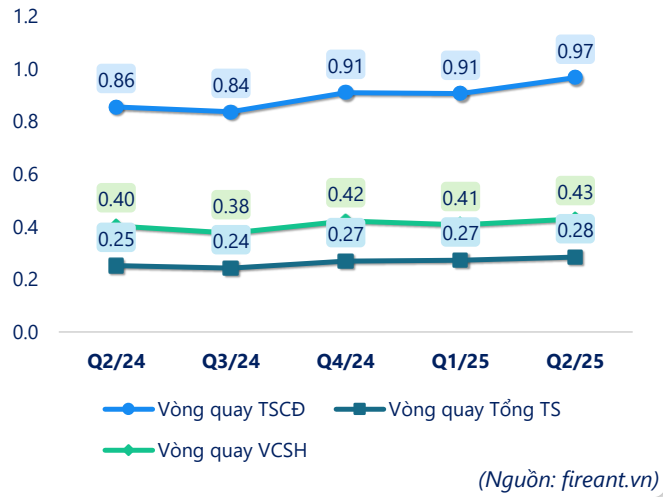
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**5,995**	**6,042**	**5,944**	**5,921**	**6,070**
Tài sản ngắn hạn	**2,687**	**2,664**	**2,573**	**2,541**	**2,693**
Tiền và tương đương tiền	75.9	165	190	200	275
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,011	1,893	1,683	1,652	1,651
Phải thu ngắn hạn	196	197	200	153	174
Hàng tồn kho	272	297	417	448	477
Tài sản ngắn hạn khác	132	113	83.0	88.4	117
Tài sản dài hạn	**3,308**	**3,378**	**3,371**	**3,380**	**3,376**
Phải thu dài hạn	0.23	0.23	0.24	0.24	0.25
Tài sản cố định	1,745	1,713	1,810	1,815	1,805
Bất động sản đầu tư	178	174	171	167	164
Tài sản dở dang	502	513	466	471	478
Đầu tư tài chính dài hạn	513	608	551	555	562
Tài sản dài hạn khác	369	369	372	371	366
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,006**	**1,948**	**2,012**	**1,859**	**2,067**
Nợ ngắn hạn	**560**	**543**	**620**	**469**	**687**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	180	166	60.0	95.0	85.0
Phải trả người bán ngắn hạn	64.8	26.8	46.5	17.8	46.0
Nợ dài hạn	1,446	1,405	1,393	1,390	1,381
Vay và nợ thuê dài hạn	44.7	11.1	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,989**	**4,093**	**3,932**	**4,063**	**4,002**
Vốn chủ sở hữu	**3,992**	**4,096**	**3,931**	**4,063**	**3,999**
Vốn điều lệ	1,355	1,355	1,355	1,355	1,355
Kinh phí và quỹ khác	-2.97	-2.66	0.69	-0.02	2.60

(Nguồn: fireant.vn)